*Mẫu số 40-DS*
*Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP*
*ngày 13 tháng 01 năm 2017*

| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN MA**<br>TỈNH ĐIỆN BIÊN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 39/2021/QĐST - HNGĐ | *Mường Ảng, ngày 14 tháng 5 năm 2021* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 60/2021/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021 về việc *" Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn"* giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lò Văn B, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Bản K, xã AC, huyện MA, tỉnh Điện Biên

2. *Bị đơn:* Chị Lò Thị T, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Bản K, xã AC, huyện MA, tỉnh Điện Biên

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ngân hàng chính sách xã hội.

Trụ sở: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội.

Người Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân T - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội MA.

Địa chỉ: Bản H, thị trấn MA, huyện MA, tỉnh Điện Biên.

3.2. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện MA, tỉnh Điện Biên.

Trụ sở: Bản H, thị trấn MA, huyện MA, tỉnh Điện Biên.

*Đại diện theo pháp luật*: Ông Ngô Xuân T – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện MA, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Thanh T - Chức vụ: Phó Giám đốc. (Theo giấy ủy quyền số: 262/GUQ – NHNoMA ngày 20/4/2021 của Giám đốc Agribank chi nhánh huyện MA về việc " Ủy quyền cho ông Bùi Thanh T").

3.3. Ông Lò Văn T, sinh năm 1956.

Nơi cư trú: Bản B, xã AC, huyện MA, tỉnh Điện Biên.

3. 4. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1991.

Cùng cư trú tại: Tổ dân phố , thị trấn MA, huyện MA, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 71, 81, 82, 83, 84 và Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2021.

## XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành 06 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó

## QUYẾT ĐỊNH

**1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:** Anh Lò Văn B và chị Lò Thị T.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Về hôn nhân: Thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Lò Văn B và chị Lò Thị T có 02 người con chung là cháu Lò Thị L, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2003 và cháu Lò Văn K, sinh ngày 15 tháng 5 năm 2005.

Anh Lò Văn B và chị Lò Thị T đã thoả thuận, thống nhất được với nhau về việc giao nuôi con chung: Chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu Lò Thị L và Lò Văn K cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Thời gian giao nuôi con chung bắt đầu tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lò Văn B có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản anh chị thực hiện quyền này.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung thu về:

*Về tài sản chung:* Anh Lò Văn B và chị Lò Thị T có các tài sản chung gồm:

+ 01 mảnh đất có diện tích 407,3m mang tên Lò Văn B và Lò Thị T. Trong đó có 200m đất ở và 207,3m là đất trồng cây lâu năm. Đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 3062, số vào sổ cấp GCN: CH00399 do UBND huyện MA, tỉnh Điện Biên cấp ngày 01/10/2013. Mảnh đất có trị giá khoảng 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) .

+) 01 ngôi nhà xây cấp bốn, diện tích khoảng 85$m^2$, bao gồm: Nhà ở 75$m^2$, nhà vệ sinh 04$m^2$, nhà tắm 06$m^2$. Nhà được làm từ năm 2018 trên diện tích mảnh đất 407,3$m^2$. Giá trị ngôi nhà ở và nhà tắm, nhà vệ sinh tại thời điểm hiện tại khoảng 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) .

Tổng giá trị tài sản chung của Anh Bvà chị T trị giá khoảng 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng).

Anh Bvà chị T đã thỏa thuận thống nhất được với nhau về việc giải quyết tài sản chung: Chị T được quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản chung gồm:

+ 01 mảnh đất có diện tích 407,3m mang tên Lò Văn B và Lò Thị T. Trong đó có 200m đất ở và 207,3m là đất trồng cây lâu năm. Đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 3062, số vào sổ cấp GCN: CH00399 do UBND huyện MA, tỉnh Điện Biên cấp ngày 01/10/2013. Mảnh đất có trị giá khoảng 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) .

+) 01 ngôi nhà xây cấp bốn, diện tích khoảng 85$m^2$, bao gồm: Nhà ở 75$m^2$, nhà vệ sinh 04$m^2$, nhà tắm 06$m^2$ được làm từ năm 2018 trên diện tích mảnh đất 407,3$m^2$. Giá trị ngôi nhà ở và nhà tắm, nhà vệ sinh tại thời điểm hiện tại khoảng 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) .

Tổng giá trị tài sản chung chị T quản lý, sử dụng là 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng).

*Về tài sản riêng:* Anh Lò Văn B và chị Lò Thị T không có, nên không yêu cầu tòa giải quyết .

*Nợ chung phải trả:* Anh B và chị T có các khoản nợ sau:

+) Ngày 17/04/2020, Anh B và chị T có vay của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện MA Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Điện Biên số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Lãi suất vay là 0,6 %/1 tháng. Mục đích khoản vay này là mua trâu để phát triển kinh tế. Khoản nợ này Anh Bvà chị T đã trả tiền lãi đến hết tháng 02 năm 2021. Từ tháng 03 năm 2021 đến nay Anh B và chị T chưa trả lãi đối với khoản nợ này. Số tiền gốc chưa trả được đồng nào.

+) Ngày 21/05/2020, Anh B và chị T có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện MA tỉnh Điện Biên số tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Lãi suất vay là 1,1% /1 tháng. Mục đích của khoản này là để làm nhà. Khoản nợ này Anh Bvà chị T đã trả tiền lãi đến hết

tháng 11 năm 2020. Từ tháng 12 năm 2020 đến nay  Anh B và chị T chưa trả lãi đối với khoản nợ này. Số tiền gốc chưa trả được đồng nào.

+) Ngày 29/3/2018, Anh B và chị T có vay của ông Lò Văn T, sinh năm 1956, trú tại bản Bánh, xã AC, huyện MA, tỉnh Điện Biên số tiền là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), có viết giấy vay nợ. Lãi suất vay là 1% /1 tháng. Mục đích của khoản vay này là để làm nhà. Khoản nợ này Anh B và chị T đã trả tiền lãi đến hết tháng 03 năm 2021. Từ tháng 04 năm 2021 đến nay Anh B và chị T chưa trả lãi đối với khoản nợ này. Số tiền gốc chưa trả được đồng nào.

+) Năm 2019, Anh B và chị T có vay của ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1991, cùng trú tại Tổ dân phố , thị trấn MA, huyện MA, tỉnh Điện Biên hai khoản vay như sau:

Khoản vay 1: Vay ngày 19/11/2017, số tiền là 76.800.000đ (Bảy mươi sáu triệu tám trăm ngàn đồng) có viết giấy vay nợ. Lãi suất vay là 0,9%/1 tháng. Mục đích của khoản vay này là để san ủi mặt bằng chuẩn bị làm nhà. Khoản nợ này Anh Bvà chị T đã trả tiền lãi đến hết tháng 02 năm 2021. Từ tháng 3 năm 2021 đến nay Anh B và chị T chưa trả lãi đối với khoản nợ này.

Khoản nợ 2: Vay ngày 19/11/2017, số tiền là 17.374.000đ (Mười bảy triệu ba trăm bảy mươi tư ngàn đồng) có viết giấy vay nợ (Cùng giấy vay ngày 19/11/2017). Khoản vay này không tính lãi suất. Mục đích của khoản vay này là để san ủi mặt bằng chuẩn bị làm nhà.

Tổng số tiền nợ chung của Anh B và chị T vay trong thời gian chung sống là 514.174.000đ (Năm trăm mười bốn triệu một trăm bảy mươi tư ngàn đồng) và số tiền lãi phát sinh đối với các khoản vay nêu trên.

Anh B và chị T đã tự nguyện, thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết nợ chung như sau:

- Chị T có trách nhiệm trả  Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện  MA, tỉnh Điện Biên số tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và số tiền lãi phát sinh.

Tổng số nợ chị T phải trả trong số nợ chung của hai vợ chồng là: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và số tiền lãi phát sinh.

- Anh B có trách nhiệm trả các khoản nợ sau:

+) Trả Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện MA Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Điện Biên số tiền là 50.000.000đ  (Năm mươi triệu đồng) và số tiền lãi phát sinh.

+) Trả ông Lò Văn T, sinh năm 1956, trú tại bản Bánh, xã AC, huyện MA, tỉnh Điện Biên số tiền là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng và số tiền lãi phát sinh.

+) Trả ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1991, cùng trú tại: Tổ dân phố , thị trấn MA, huyện MA, tỉnh Điện Biên số tiền là

76.800.000đ (Bảy mươi sáu triệu tám trăm ngàn đồng) và số tiền lãi phát sinh và số tiền là 17.374.000đ (Mười bảy triệu ba trăm bảy mươi tư ngàn đồng) không tính lãi suất.

Tổng số tiền Anh B phải trả trong số nợ chung của hai vợ chồng là: 214.174.000đ (Hai trăm mười bốn triệu một trăm bảy mươi tư ngàn đồng) cùng số tiền lãi phát sinh của các khoản nợ trên.

*Về nợ thu về:* Anh Lò Văn B và chị Lò Thị T không có nợ thu về nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

**3. Về án phí**: Anh Lò Văn B và chị Lò Thị T thoả thuận thống nhất mỗi người tự nguyện chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch và chị T tự nguyện chịu 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng Anh B và chị T là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy, miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho anh B và chị T. Chị T được miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm có giá ngạch.

**4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS Mường Ảng;
- UBND xã AC;
- Các đương sự;
- Người BVQ&LIHP cho đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

***(Đã ký)***

**Nguyễn Thị Vân**